TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/DS-PT
Ngày: 18 - 10 - 2019
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNTỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông
Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải
Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:*** Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 230/2019/QĐPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1948 (Có mặt)

1.2. Bà Bùi Thị U, sinh năm 1960

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị U: Ông Nguyễn Văn Q (Văn bản uỷ quyền lập ngày 11/10/2019). (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 (Có mặt)

2.2. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1963 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn trình bày: Vào ngày 20/6/2014 vợ chồng nguyên đơn có cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị B vay 44 chỉ vàng 24k loại 9999, lúc hỏi vay có mặt cả hai vợ chồng bà B, ông H, khi đó vợ chồng bà B có viết cho vợ chồng nguyên đơn 01 tờ giấy ghi ngày tháng năm hỏi vàng và số vàng nhưng không có ký tên. Thỏa thuận miệng lãi 03 phân/tháng/10 chỉ. Từ lúc hỏi thì vợ chồng bà B có gởi trả lãi cho nguyên đơn được 03 lần với số tiền là 15.000.000 đồng (gởi thông qua bà Võ Thị S hay còn gọi là Tư N) nhưng không có trả gốc. Vợ chồng nguyên đơn đã nhiều lần lên nhà bà B để đòi lại số vàng trên và vợ chồng bà B năn nỉ để bán đất trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông H phải trả cho vợ chồng nguyên đơn 44 chỉ vàng 24k loại 9999, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn bà Bùi Thị B trình bày: Bà thừa nhận là có hỏi số vàng 44 chỉ 24k loại 9999 của vợ chồng ông Q, nhưng lời trình bày của ông Q là chưa đúng, thực tế bà đã trả cho vợ chồng ông Q toàn bộ số vàng nêu trên. Cụ thể:

Lần 1: Trả 45.000.000 đồng vào năm 2013 lúc đó bà U nhận tại nhà bà U.

Lần 2: Trả 25.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k vào năm 2014, trả cho bà U và tại nhà của bà U.

Lần 3: Trả 34.000.000 đồng cho bà U tại Bệnh viện 121 thành phố Cần Thơ do lúc đó con bà U bị tai nạn xe còn năm nào không nhớ.

Lần 4: Trả 20.000.000 đồng trả cho ông Q ngay tại nhà của bà, năm nào không nhớ.

Lần 5: Trả 5.000.000 đồng cho ông Q tại nhà của vợ chồng ông Q nhưng không nhớ năm nào.

Lần 6: Gởi cho bà Tư N (không rõ họ tên) ở ngang cửa nhà ông Q số tiền 10.000.000 đồng để trả cho vợ chồng ông Q không nhớ rõ năm nào.

Khi hỏi vàng của ông Q và bà U thì không có làm biên nhận do chỗ quen biết, đến khi đóng lãi và các lần trả tiền cũng không có làm biên nhận gì. Tính đến nay bà đã trả cho vợ chồng ông Q và bà U tổng cộng là 139.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k như vậy cũng tương tương với số vàng 44 chỉ mà bà đã mượn nên ông Q, bà U yêu cầu bà phải tiếp tục trả số vàng này thì bà không

đồng ý. Đối với số tiền lãi bà đã đóng cho vợ chồng ông Q là trả theo thoả thuận lúc vay nên bà không có yêu cầu gì.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông không biết việc vợ ông có hỏi vay vàng của vợ chồng ông Q cho đến khi ông Q lên nhà đòi số vàng thì ông mới biết nhưng lúc đó bà B có nói là đã trả xong. Nay ông Q yêu cầu vợ chồng ông phải trả số vàng 44 chỉ thì ông không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Buộc bà Bùi Thị B, ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Q, bà Bùi Thị U tổng số 44 chỉ vàng 24k (thực tế trên thị trường là 23k).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đồng ý khấu trừ 15.000.000đồng tiền lãi đã đóng vào số vàng vốn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị U cho rằng có cho bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị B vay 44 chỉ vàng 24k loại 9999 vào năm 2014, đến nay chưa trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả vàng cho nguyên đơn. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 6 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị B kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về số vàng vay: Ông Nguyễn Văn Q, bà Bùi Thị U cho rằng năm 2014 có cho ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị B vay 44 chỉ vàng 24k loại 9999, hiện chưa trả. Bà Bùi Thị B thừa nhận có vay vàng của vợ chồng ông Q nhưng bắt đầu vay từ năm 2011 và có đóng lãi cho vợ chồng ông Q đến năm 2013, từ năm 2014 thì bà xin ngưng trả lãi để trả vốn và đến nay đã trả xong. Mặc dù, việc vay tiền không có làm biên nhận và ông Q, bà U và bà B trình bày có mâu thuẫn về thời gian cho vay, nhưng xét thấy các đương sự đều thừa nhận là có việc vay vàng. Do đó, có căn cứ xác định được việc vay vàng giữa ông Q, bà U và bà B là có thật.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Q cho rằng bà B còn nợ vợ chồng ông 44 chỉ vàng 24k loại 9999 chưa trả, bà B thừa nhận có vay của nguyên đơn 44 chỉ vàng 24k loại 9999 nhưng bà cho rằng đã trả cho bà Bùi Thị U tổng cộng 6 lần với số tiền là 139.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Xét thấy giữa ông Q và bà B có mâu thuẫn trong việc xác định thời gian vay cũng như việc thanh toán nợ nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về các bên. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà B không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc đã trả tiền, vàng cho ông Q, bà U và ông Q, bà U cũng không thừa nhận là có nhận tiền hay vàng mà bà B đã trả nên lời trình bày của bà B là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Việc vay vàng giữa các bên được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận, do đó căn cứ điều 463, điều 466 Bộ luật dân sự 2015 thì bà B phải có nghĩa vụ trả cho ông Q, bà U 44 chỉ vàng 24k loại 9999 là phù hợp.

[3.3] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Bùi Thị U khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị B phải có trách nhiệm liên đới trả nợ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà B không cung cấp được chứng cứ để chứng minh được việc ông H có hỏi vay vàng của vợ chồng ông, mặc khác ông H cũng không thừa nhận là có vay nên yêu cầu của ông Q, bà U là chưa có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà ông H thừa nhận trước đây vợ chồng ông cùng đi ghe bán hàng hóa, khi cần vốn để lấy hàng hóa thì bà B có đi hỏi vay, sau đó trả lại và nguồn thu nhập chính của vợ chồng ông thời điểm đó cũng từ việc mua bán hàng hóa trên ghe, đồng thời bà B cũng thừa nhận bà hỏi vay vàng của vợ chồng ông Q là để dùng vào việc mua bán của vợ chồng và tạo thu nhập để chăm lo cuộc sống gia đình nên có căn cứ buộc ông Nguyễn Văn H phải liên đới trả nợ cho ông Q, bà U.

[4] Về lãi suất: Đối với việc ông Q cho rằng có nhận 15.000.000 đồng tiền lãi và bà B cũng thừa nhận bà có gửi cho bà Võ Thị S 15.000.000 đồng để trả cho ông Q, đối chiếu lời khai của ông Q và bà B là phù hợp với lời khai của bà Võ Thị S tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2018 (Bút lục số 10). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q xác định ông chỉ yêu cầu ông H, bà B trả vốn, không yêu cầu tính lãi nên ông đồng ý khấu trừ số tiền lãi 15.000.000 đồng ông đã nhận vào số vàng vốn, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị B. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Q, bà Bùi Thị U về việc đồng ý khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng tiền lãi vào số vàng vốn. Tại thời điểm gởi tiền đóng lãi thì hai bên đương sự thừa nhận giá vàng 24K loại 9999 là 3.200.000 đồng/chỉ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị U.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị B phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Q, bà Bùi Thị U số vàng 39 chỉ 3 phân 1 ly vàng 24k (loại vàng 9999). (Đã khấu trừ số tiền đóng lãi 15.000.000 đồng đóng trước đây tương đương 4 chỉ 6 phân 9 ly vàng 24K loại 9999).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Q, bà Bùi Thị U về việc khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền lãi ông Nguyễn

Văn H, bà Bùi Thị B đã đóng trước đây vào số vàng vốn (tương đương 04 chỉ 6 phân 9 ly vàng 24k loại 9999).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị B phải liên đới chịu 7.075.800 đồng (Bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị U được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.925.000 (Một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016882 ngày 27/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị B được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0020840 ngày 25/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 18/10/2019.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Luông